NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

ẨN DỤ Ý NIỆM VỀ CON NGƯỜI VỚI MIỀN NGUỒN ĐỘNG VẬT VÀ THỰC VẬT TRONG LUẬT TỤC ÊĐÊ

VŨ HOÀNG CÚC*

TÓM TẮT: Bài báo vận dụng lí thuyết ẩn dụ ý niệm của ngôn ngữ học tri nhận để khảo sát và phân tích hệ thống ẩn dụ ý niệm về con người trong *Luật tục Êđê* với hai miền ý niệm nguồn là thực vật và động vật. Kết quả nghiên cứu cho thấy, MIỀN NGUỒN THỰC VẬT được biểu hiện bằng 74 biểu thức ngôn ngữ, MIỀN NGUỒN ĐỘNG VẬT được trình bày bằng 23 biểu thức ngôn ngữ. Từ việc khái quát các biểu thức này, nghiên cứu tìm được 5 biểu hiện vi mô của ẩn dụ ý niệm CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT và 7 biểu hiện vi mô của ẩn dụ ý niệm CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT. Các hệ thống ẩn dụ ý niệm này vừa mang tính phổ quát, vừa mang tính biến thiên văn hoá. Chúng không những chỉ ra sự tương đồng của người Êđê với các dân tộc khác trong việc ý niệm hoá con người bằng MIỀN NGUỒN ĐỘNG VẬT và THỰC VẬT, mà còn làm nổi bật nét độc đáo trong tư duy của người Êđê vốn được xây dựng bằng những trải nghiệm mang tính nghiệm thân về môi trường tự nhiên của đại ngàn Tây Nguyên hùng vĩ và đặc trưng văn hoá của cộng đồng bản địa.

TỪ KHÓA: Ẩn dụ ý niệm; *Luật tục Êđê*; con người; động vật; thực vật.

NHẬN BÀI: 15/06/2026. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 02/11/2026

1. Đặt vấn đề

Trong ngôn ngữ học tri nhận, lí thuyết ẩn dụ ý niệm (conceptual metaphor theory) đã tạo nên một bước ngoặt căn bản trong việc giải mã cơ chế tư duy của con người. Hướng tiếp cận này khẳng định ẩn dụ là một phương thức tri nhận chủ đạo, một công cụ nhận thức cốt lõi giúp con người cấu trúc hóa thế giới khách quan.

Luật tục Êđê là một di sản văn hóa phi vật thể vô cùng quý giá. Công trình này là sự kết tinh của tri thức bản địa, kinh nghiệm ứng xử xã hội và nhân sinh quan độc đáo của người Êđê truyền thống. Nghiên cứu ẩn dụ ý niệm (ADYN) về con người với MN ĐỘNG VẬT và THỰC VẬT trong công trình này sẽ giúp ta thấy được những khía cạnh độc đáo trong cách tư duy và văn hoá của người Êđê ở việc lí giải và cắt nghĩa về con người với các trải nghiệm mang tính nghiệm thân về hai miền ý niệm này.

2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Việc dùng miền ý niệm thiên nhiên, đặc biệt là động vật và thực vật, để ý niệm hoá con người là một hiện tượng tư duy mang tính phổ quát của nhân loại. Các cộng đồng ngôn ngữ thường dùng các ADYN với hai miền ý niệm nguồn ĐỘNG VẬT và THỰC VẬT để biểu hiện sự tri nhận về nhiều phương diện trong đời sống, từ hình dáng, tính cách của con người cho đến địa vị, vai trò của họ trong xã hội. Khám phá các ADYN này là một hoạt động khoa học hết sức thú vị, nó không những cho ta thấy cách các dân tộc tư duy mà cho ta hiểu về đặc trưng văn hoá của họ, bởi vậy, công việc này đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

Đối với MN ĐỘNG VẬT, các tác giả phát hiện ra rằng các loài động vật và các đặc điểm sinh học cũng như cư trú của chúng được sử dụng để ý niệm hoá tính cách, thói quen, thân phận, địa vị, v.v. của con người, chẳng hạn: Truong (2020) cho thấy động vật được sử dụng để biểu hiện sự tri nhận về ngoại hình, trí tuệ và đặc điểm đạo đức của người Nga và người Việt; Timralieva và Breitling (2022) chứng minh các ẩn dụ "người - vật" được dùng để biểu hiện chân thực thân phận nô lệ da đen bị đối xử, mua bán và lạm dụng không khác gì gia súc; Pham (2023) chỉ ra rằng, trong xã hội phụ quyền, nữ

**TS; Trường Đại học Tây Nguyên; Email: hoangcucbmt@gmail.com*

giới thường bị gán với hình ảnh thú hoang, gia súc hoặc thú cưng nhằm biểu hiện các định kiến coi phụ nữ là kẻ phụ thuộc, yếu thế, hoặc chỉ đóng vai trò giải trí; Dang (2023) cũng cho thấy hình ảnh động vật được sử dụng để ý niệm hoá đặc điểm ngoại hình và tính cách của con người trong văn hóa Việt Nam; Maalej và Zibin (2024) vạch trần thủ đoạn của các quan chức khi những người này dùng miền ý niệm động vật (như chuột, kiến, gián, quái vật) để biểu hiện sự khinh miệt đối với người Palestine; Zhou (2024) làm rõ và đối sánh cách sử dụng các đặc điểm bên ngoài và tập tính của động vật để ý niệm hóa thân phận và tính cách con người trong tiếng Anh và tiếng Trung; Sajarwa và cộng sự (2025) khẳng định từ chỉ động vật trong lời lăng mạ của người Java được dùng để chỉ người tiếp nhận, nhằm thiết lập một sự bạo lực về tinh thần; Tran và Nguyen (2026) nhận thấy nếu tiếng Anh dùng ẩn dụ động vật để biểu hiện hành vi mang tính cá nhân thì tiếng Việt lại dùng chúng để biểu hiện trật tự đạo đức, phân định giai cấp xã hội và tính cộng đồng; v.v.

Đối với MN THỰC VẬT, các công trình nghiên cứu đã khám phá ra rằng các cộng đồng ngôn ngữ dùng các đặc tính của cây cối, vẻ đẹp của hoa, lá, v.v. để ý niệm hoá cuộc đời, đặc điểm và đặc biệt là vẻ đẹp của con người, ví dụ: Filipczuk-Rosińska (2016) chỉ ra rằng người Anh và người Ba Lan dùng các giai đoạn sinh trưởng của thực vật (như nảy mầm, nở hoa, héo úa) để biểu hiện sự tri nhận về quá trình phát triển và sự già đi trong vòng đời của chính mình; Usman và Yusuf (2020) cho thấy văn hóa Aceh thường dùng các sản phẩm nông nghiệp và thực vật để ý niệm hóa sự thiếu năng động của con người hoặc sự thuần khiết, trinh trắng của người thiếu nữ; Gajewska (2022) làm rõ cách loài hoa lan được ẩn dụ hoá để biểu hiện sự tri nhận về đa dạng giới tính (liên giới tính); Pham và Nguyen (2024) nhận thấy các tác giả của văn học Việt Nam thế kỉ XX thường dùng đặc tính của thực vật (như sự mỏng manh của cây liễu, kiếp sống phụ thuộc của tầm gửi, hoặc chu kì nở - tàn của hoa) để biểu hiện vẻ đẹp, sự yếu đuối và số phận đầy truân chuyên của người phụ nữ; v.v.

Nhìn chung, các ADYN về con người với MN ĐỘNG VẬT và THỰC VẬT đã được khảo sát và nghiên cứu ở nhiều ngôn ngữ dựa trên những thể loại văn bản khác nhau, từ tác phẩm văn học cho đến các diễn ngôn trong đời sống. Tuy nhiên, cho đến nay, việc khám phá các ADYN này trong *Luật tục Êđê* vẫn là một địa hạt chưa ai đề cập đến.

3. Cơ sở lí thuyết

3.1. Ẩn dụ ý niệm

Theo George Lakoff và Mark Johnson (1980), ADYN thâm nhập vào mọi bình diện của đời sống con người, bởi vì nó là một công cụ nhận thức của chúng ta.

Trong *A Glossary of cognitive linguistic* (Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học tri nhận), ADYN được xác định như sau: "A form of conceptual projection involving mappings or correspondences holding between distinct conceptual domains. Conceptual metaphors often consist of a series of conventional mappings which relate aspects of two distinct conceptual domains. The purpose of such a set of mappings is to provide structure from one conceptual domain, the source domain, by projecting the structure onto the target domain. This allows inferences which hold in the source to be applied to the target. For this reason, conceptual metaphors are claimed to be a basic and indispensable instrument of thought." (Evans, 2007, tr.136). (ADYN là một dạng thức phóng chiếu ý niệm, vận hành dựa trên các ánh xạ hoặc mối tương quan hệ thống giữa các miền nhận thức chuyên biệt. Cơ chế này thường vận hành thông qua một chuỗi các liên kết mang tính quy ước nhằm kết nối các phương diện thuộc hai miền ý niệm khác nhau. Mục tiêu cốt lõi của quy trình ánh xạ là dùng cấu trúc của một miền ý niệm cụ thể (miền nguồn - source domain) để định hình và tổ chức cho cấu trúc của một miền ý niệm khác (miền đích - target domain). Hệ quả là các logic suy luận logic từ miền nguồn có thể chuyển di trực tiếp sang miền đích. Chính vì vậy, ẩn dụ ý niệm được xem là một công cụ tư duy bản chất và không thể thay thế của con người.)

ADYN có 7 đặc trưng (Kövecses, 2010). Thứ nhất là *tính đơn hướng*, quá trình ánh xạ trong ADYN chỉ diễn ra một chiều từ miền nguồn (MN) sang miền đích (MĐ). Thứ hai là *tính che giấu và nhấn mạnh*, mỗi ADYN chỉ làm nổi bật một số đặc tính trọng tâm của MĐ. Thứ ba là *tính hệ thống*, các ADYN không tồn tại biệt lập mà liên kết thành những mạng lưới chặt chẽ, trong đó, ẩn dụ vĩ mô

bao chứa các tiểu ẩn dụ vi mô đồng hướng. Thứ tư là *tính tầng bậc*, ADYN có cấu trúc phân cấp từ khái quát (thượng danh) xuống cụ thể (hạ danh). Thứ năm là *tính phổ quát*, các dân tộc trên thế giới có chung một số ADYN, đó là ADYN bắt nguồn từ những trải nghiệm nghiệm thân giống nhau giữa các cộng đồng ngôn ngữ. Thứ sáu là *tính biến thiên văn hóa*, ADYN thay đổi linh hoạt theo lăng kính đặc thù của từng cộng đồng ngôn ngữ. Thứ bảy là *tính tương hòa văn hóa*, ADYN luôn tương thích và cộng hưởng sâu sắc với hệ giá trị cốt lõi của chính nền văn hóa sản sinh ra chúng.

Hai động lực cốt lõi thúc đẩy quá trình sản sinh ADYN là *sự tương liên trong kinh nghiệm (correlation in experience)* và *sự tương đồng cấu trúc mang tính cảm quan (perceived structural similarity)* (Kövecses, 2010, tr.79).

Sự tương liên trong kinh nghiệm bắt nguồn từ việc hai sự kiện khác biệt thường xuyên xuất hiện cùng lúc hoặc kéo theo nhau, chúng tạo thành một nếp hằn trong nhận thức của con người. Chẳng hạn, khi ta rót thêm nước vào ly thì mực nước tất yếu sẽ dâng cao lên, vì yếu tố "thêm vào" (tăng về lượng) luôn đi kèm với kết quả "cao lên" (hướng lên trên), ADYN NHIỀU HƠN LÀ HƯỚNG LÊN được kích hoạt trong tâm trí của chúng ta.

Sự tương đồng cấu trúc mang tính cảm quan là "sự tương đồng phi khách quan mà người nói cảm nhận được về hai đối tượng" (Kövecses, 2010, tr.82). Ví dụ, người Việt tự cảm nhận thấy quá trình sống của một con người có rất nhiều điểm tương đồng với sự vận động của một dòng sông, từ sự liên tưởng chủ quan này, ADYN CUỘC ĐỜI LÀ DÒNG SÔNG đã xuất hiện trong tiếng Việt.

3.2. Luật tục Êđê

Luật tục Êđê (tập quán pháp của người Êđê) là hệ thống quy tắc xã hội được hình thành, lưu truyền và duy trì qua nhiều thế hệ trong cộng đồng người Êđê, chủ yếu ở khu vực Tây Nguyên. Đây là một bộ quy phạm mang tính chất tự quản, được cộng đồng thừa nhận và thực thi như một hình thức pháp luật bản địa. Với tính ổn định và hiệu lực xã hội cao, luật tục giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức và điều chỉnh đời sống cộng đồng người Êđê truyền thống.

Không chỉ có chức năng điều chỉnh hành vi, luật tục Êđê còn là một kho tàng tri thức văn hóa phản ánh sâu sắc đời sống tinh thần của cộng đồng bản ngữ. Thông qua các quy định và chuẩn mực, luật tục thể hiện rõ thế giới quan, nhân sinh quan và hệ giá trị truyền thống của người Êđê. Những vấn đề như công lý, đạo đức, trách nhiệm cộng đồng và mối quan hệ hài hòa giữa con người với thiên nhiên được thể hiện một cách cụ thể và sinh động bằng những trải nghiệm mang tính nghiệm thân trong mối tương hoà với văn hoá truyền thống. Điều này làm cho chiều sâu tư duy và bản sắc văn hóa của người Ê đê được bộc lộ một cách rõ nét.

Về nội dung, *Luật tục Êđê* bao gồm các quy định toàn diện liên quan đến nhiều lĩnh vực trong đời sống cộng đồng, như: hôn nhân và gia đình (quy định về lễ cưới, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, quan hệ giữa các thế hệ, chế độ mẫu hệ đặc trưng của người Êđê), thừa kế và tài sản (quy định về quyền thừa kế tài sản, đất đai, nhà cửa theo dòng mẹ, phản ánh cấu trúc xã hội mẫu hệ), đất đai và tài nguyên (quy định về quyền sử dụng đất, bảo vệ rừng, nguồn nước, thể hiện mối quan hệ hài hòa giữa con người và thiên nhiên), giải quyết tranh chấp (cơ chế xử lí mâu thuẫn, xung đột trong cộng đồng thông qua hội đồng già làng, với nguyên tắc công bằng, hòa giải và giữ gìn đoàn kết), tín ngưỡng và nghi lễ (quy định về các nghi lễ truyền thống, lễ cúng thần linh, tổ tiên, lễ hội cộng đồng, thể hiện niềm tin tâm linh và sự tôn kính với các lực lượng siêu nhiên).

Luật tục Êđê "là những trang sử truyền khẩu được ghi chép lại" (Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, 1996, tr.25), là một trong những biểu hiện sinh động của trí tuệ dân gian, là minh chứng cho khả năng tự tổ chức và duy trì trật tự xã hội của cộng đồng người Êđê truyền thống.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Đặc điểm miền nguồn ĐỘNG VẬT và THỰC VẬT trong Luật tục Êđê

Động vật và thực vật là hai trong số rất nhiều miền ý niệm được dùng làm MN của các ADYN trong *Luật tục Êđê*. Hai miền ý niệm này vừa mang tính phổ quát, vừa mang đặc trưng riêng của cộng đồng bản ngữ.

Theo lí thuyết ADYN, một sự vật, hiện tượng được con người chọn làm MN để khắc họa sự vật, hiện tượng khác khi nó thỏa mãn các điều kiện: hoặc xuất hiện trước hết, hoặc có tầm ảnh hưởng lớn nhất, hoặc xuất hiện liên tục trong đời sống con người, hoặc hội tụ cả hai hay ba điều kiện này. Động vật và thực vật là hai phạm trù thoả mãn cả ba điều kiện nói trên. Bất cứ nơi đâu, con người cũng không thể sống tách rời thiên nhiên. Và như một hệ quả tất yếu, chúng ta luôn có các hoạt động tương tác với động vật và thực vật. Đây là nguyên nhân khiến con người dùng các trải nghiệm về động thực vật để lí giải rất nhiều sự vật, hiện tượng thuộc các phạm trù khác nhau trong thế giới mà mình đang sống. Không khó để bắt gặp các trường hợp hai miền ý niệm này được sử dụng làm MN cho các ADYN về con người trong các ngôn ngữ trên thế giới. Một trong những ví dụ tiêu biểu cho điều này là ADYN CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT và CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT đều xuất hiện trong tiếng Anh và tiếng Việt. Với ADYN CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT, tiếng Anh có các cách diễn đạt như: *the apple doesn't fall far from the tree* (quả táo không rụng xa gốc cây - nghĩa là *cha nào con nấy*), *clinging vine* (loài dây leo bám víu - nghĩa là người quá phụ thuộc, quá yếu đuối), v.v.; tiếng Việt có các cách nói như: *vì cây dây leo*, *lá rụng về cội*, *cây ngay không sợ chết đứng*, v.v. Với ADYN CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT, tiếng Anh có các cụm từ cố định như: *a wolf in sheep's clothing* (chó sói đội lốt cừu - nghĩa là kẻ giả tạo, bên ngoài thì hiền lành, bên trong thì ác độc - *miệng nam mô bụng một bồ dao găm*), *an early bird* (con chim dậy sớm - nghĩa là người có thói quen dậy sớm), v.v.; tiếng Việt có các thành ngữ như *đàn gảy tai trâu*, *rồng đến nhà tôm, chuột sa chĩnh gạo,* v.v. Như vậy, động vật và thực vật là các miền ý niệm chung của ADYN trong nhiều ngôn ngữ. Hay nói cách khác, đây là các miền ý niệm mang tính phổ quát.

Bên cạnh tính phổ quát, các MN ĐỘNG VẬT và THỰC VẬT của ADYN trong tiếng Êđê cũng mang đặc trưng riêng của cộng đồng bản ngữ. Đặc điểm này được hình thành bởi điều kiện sinh sống, môi trường tự nhiên, xã hội và văn hoá tộc người quy định. Cùng sử dụng các kinh nghiệm mang tính trải nghiệm về cây cối và động vật để cấu trúc hóa thế giới như nhiều dân tộc khác nhưng người Êđê lại đưa vào luật tục các loài động vật và cây cối chỉ xuất hiện trong đời sống của mình, đời sống gắn với núi rừng Tây Nguyên. Trong *Luật tục Êđê*, các loài vật xuất hiện là con chim mling, mlang, bhĩ (phí), con cáo, con chồn, con ngựa, con voi, con cá, v.v.; các loài cây được nhắc đến là cây sung, cây đa, cây le, cây lồ ô, cây blang, cây tung, cây tông mông, v.v. Nhiều con vật và cây cối trong số này được người Êđê xem là biểu tượng của thần linh hoặc gắn với thần linh. Chẳng hạn như con chim mling, mlang được cho là "những con chim hay hót mà đường bay của nó được coi là điềm báo trước" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.229); cây sung và cây đa "được quan niệm là nơi trú ngụ của thần linh, biểu tượng của người đứng đầu làng" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.232); cây tông mông là "cây thần thoại có sức mọc thần kỳ" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.231), v.v. Bên cạnh đó, việc lựa chọn các thuộc tính của từng loài động thực vật để ánh xạ qua miền đích con người trong từng ADYN cũng mang tính chất rất riêng, đặc trưng cho văn hoá tri nhận của người bản địa. Đơn cử như, cùng sử dụng miền ý niệm cá như người Việt, nhưng người Êđê lại ưu tiên lựa chọn đặc tính thường thay đổi nơi cư trú của chúng để ánh xạ qua miền đích con người, phản ánh sự bất nhất ở lời nói, việc làm của con người; trong khi đó, người Việt lại lựa chọn các đặc tính về hình dáng (*cá đối bằng đầu*), về môi trường sống (*như cá gặp nước*), về tập tính săn mồi (*cá lớn nuốt cá bé*), v.v.

Tính phổ quát và đặc trưng riêng của các MN ĐỘNG VẬT và THỰC VẬT đã góp phần không nhỏ trong việc tạo ra tính phổ quát và tính biến thiên văn hoá của hai hệ thống ADYN CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT và CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT trong *Luật tục Êđê*.

4.2. Các biểu hiện của ẩn dụ ý niệm về con người với MN THỰC VẬT và ĐỘNG VẬT trong Luật tục Êđê

4.2.1. Ẩn dụ ý niệm CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT

Người Êđê dùng hình ảnh các loài cây, các bộ phận của cây để lý giải nhiều sự vật, hiện tượng trong đời sống của mình, trong đó, con người là một trong những phạm trù được đề cập nhiều nhất.

Khảo sát *Luật tục Êđê*, chúng tôi nhận thấy rằng trường nghĩa thực vật là một trong những trường nghĩa nổi trội, cây cối và đặc điểm của chúng xuất hiện với tần suất rất lớn trong nhiều biểu thức ngôn ngữ, trong số đó có 74 trường hợp được sử dụng để ý niệm hoá con người.

Mô hình ánh xạ từ MN THỰC VẬT qua miền đích con người trong *Luật tục Êđê* như sau:

Bảng 4.2.1. *Sự ánh xạ trong ẩn dụ ý niệm CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT*

Miền nguồn (Thực vật)		**Miền đích** (Con người)
Các loài cây	>>>>>	Con người với các vị thế khác nhau
Đặc điểm của cây	>>>>>	Đặc điểm của con người
Sự phát triển của cây	>>>>>	Sự phát triển của con người
Hoa	>>>>>	Người phụ nữ
Chồi, củ	>>>>>	Con cái

Trong *Luật tục Êđê* con người được ý niệm hóa bằng nhiều loài cây khác, dựa trên sự tương đồng tri nhận của người Êđê về đặc điểm của cây cối và vị thế, phẩm chất của con người trong cộng đồng. Điều này tạo ra một hệ thống ADYN vi mô của ADYN CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT.

Loài cây được người Êđê đề cập đến nhiều nhất trong luật tục là *cây đa* (**mnŭt**) và *cây sung* (**hra**). Hai loài cây này được sử dụng để làm MN cho ADYN NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU LÀNG LÀ CÂY SUNG, CÂY ĐA. ADYN này được hiện thực hoá qua nhiều biểu thức ngôn ngữ khác nhau, chẳng hạn như:

(1) "Nếu tóm được cổ hắn, túm được tóc hắn, lấy được cái ống điếu của hắn thì cứ dẫn hắn đến *cây đa* đầu suối, *cây sung* đầu làng, đến người trông coi xóm làng.

Cây đa đầu suối sẽ luận giá (số của bị đánh cắp), bỏ que ghi giá, sự việc như vậy là được giải quyết." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.44).

"Tơdah arăng mâo păn ñu ti knĭk, mâo cĭk ñu ti kŏ, dŏ đĭng ñu arăng mâo sua, arăng ba ñu tơ *mnŭt* kŏ êa, hra kŏ buôn, kơ pô dlăng buôn sang

***Mnŭt* kŏ êa phat brei ênoh, kjoh brei giê, mdjiê brei kđi.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.236)

(2) "Kẻ là *cây đa* đầu suối, *cây sung* đầu làng, là người trông coi dân làng.

Lẽ ra trước khi cho (kẻ có tội) ăn cơm, nước uống thì phải trói, phải cột nó lại cho chắc đã." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.50-51).

"**Ñu *mnŭt* kŏ êa, hra kŏ buôn, ñu pô dlăng buôn sang.**

Mŏng knuê bŏng leh kă, huă leh kin, leh duah din leh." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.241)

(3) "Nếu hắn có vụ việc kiện cáo đã cũ xưa, cũ như củ khoai đã mất ruột thì hắn hãy đến hỏi *cây đa* đầu suối, *cây sung* đầu làng, hỏi người trông nom dân làng." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.53).

"**Tơ ñu mâo kđi boh sô yô hbei, klei đưm đă, ñu êmuh kơh *mnŭt* kŏ êa, hra kŏ buôn, pô dlăng adei amuôn buôn sang.** " (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, 243)

(4) "Hắn là kẻ có *cây đa* đầu suối mà không hỏi *cây đa* đầu suối, có *cây sung* đầu làng mà không hỏi *cây sung* đầu làng, có mẹ cha mà không hỏi mẹ cha" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.60).

"**Mâo *mnŭt*, amâo ñu êmuh *mnŭt*; mâo *hra*, amâo ñu êmuh *hra*; mâo ama amĭ, amâo ñu êmuh ama amĭ.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.249)

(5) "Có *cây đa* thì phải hỏi *cây đa*, có cây sung thì phải hỏi *cây sung*, có mẹ cha thì phải hỏi mẹ cha… Có *cây đa* đầu suối, có *cây sung* đầu làng, người trông nom dân làng mà không hỏi." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.61).

"**Mâo *mnŭt*, ňu amâo êmuh *mnŭt*; mâo *hra*, ňu amâo êmuh *hra*; mâo ama amĭ, ňu amâo êmuh ama amĭ... *Mnŭt* kŏ êa, *hra* kŏ buôn, pô dlăng adei amuôn buôn sang, ňu amâo êmuh.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.249)

(6) "Ai là người trông đằng trước cũng ưng, nhìn đằng sau cũng ưng, xứng đáng làm *cây đa* đầu suối, *cây sung* đầu làng, xứng đang làm kẻ trông nom những người anh em con cháu dân làng." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.61).

"**Ti bĕ rŏng bi khăp, anăp ciăng kơ *mnŭt* kŏ êa, *hra* kŏ buôn, kơ pô dlăng adei amuôn buôn sang.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.250)

(7) "Hắn trao vòng và quà biếu xén cho người là *cây đa* đầu suối, kẻo ông ta đứng về phía người ngoài làng, không đứng về phía người trong làng, kẻo ông ta đứng về phía những người dưng xa lạ." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.62).

"**Kông ňu hriê đăl kơ *mnŭt* kŏ êa, mngan sun, huĭ khua dôk hĕ ĭng kơ tuê, amâo hluê ĭng kơ buôn, huĭ khua hluê tluôn êgar.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.251)

(8) "Kẻ ra đi sống trong làng tây, xóm đông mà không hề mở miệng nói cho *cây đa* đầu suối, *cây sung đầu* làng, không nói cho người trông nom dân làng, anh em con cháu biết" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.64).

"**Ňu đuĕ hiu dôk buôn yŭ pŭ ngŏ, kbông ňu amâo wah hŏng *mnŭt* kŏ êa, *hra* kŏ buôn, hŏng pô dlăng adei amuôn buôn sang.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.252)

(9) "Kẻ thấy *cây đa* thì chặt *cây đa*, thấy *cây sung* chém *cây sung*, thấy mẹ cha hoặc người đầu làng muốn chỉ vẽ dạy dỗ cho thì hành hung họ tàn nhẫn" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.65).

"**Buh ana *mnŭt*, ňu koh hĕ ana *mnŭt*; buh ana *hra*, ňu koh hĕ ana *hra*. Tơdah amĭ ama, khua buôn mtô lac kơ ňu, ňu lŏ cĭk căm hĕ di gŏ.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.253)

(10) " (Lẽ ra) có *cây đa* thì hắn phải hỏi *cây đa*, có *cây sung* thì hắn phải hỏi *cây sung*, có người thủ lĩnh lớn thì hắn phải hỏi người thủ lĩnh lớn (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.69).

"**Mâo *mnŭt*, êmuh *mnŭt*; mâo *hra*, êmuh *hra*; mâo khua prŏng, êmuh khua prŏng.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.256)

(11) "Sau đó một người đàn ông hay một người đàn bà trong nhà phải đi bóc vỏ cây, lột vỏ gai, phanh áo, phanh khố báo cho *cây đa* đầu suối, *cây sung* đầu làng, người trông nom những người anh em, con cháu dân làng biết." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.81).

"**Kgŭ anăn sa cô êkei, sa drei mniê, nao đak hĕ hmôk, đôk brang, nao blang kpin ao hŏng *mnŭt* kŏ êa, *hra* kŏ buôn, hŏng pô dlăng adei tlang yang buôn, pô dlăng amuôn adei bi thâo.** " (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.265)

(11) "Thế mà không một người đàn ông nào hay một người đàn bà nào trong nhà tìm đến báo cho *cây đa* đầu suối, *cây sung* đầu làng, người trông nom những người anh em dân làng biết." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.81).

"**Găp djuê ňu sa cô êkei, sa drei mniê, amâo nao hưn hŏng *mnŭt* kŏ êa, *hra* kŏ buôn, hŏng pô dlăng adei amuôn buôn sang.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.266)

(12) "Nếu ông ta có vụ việc gì cũ, cũ như củ khoai đã rỗng ruột, cũ như một chuyện xưa, thì ông ta hãy tìm đến hỏi *cây đa* đầu suối*, cây sung* đầu làng, người trông nom những người anh em con cháu dân làng" (tr.89).

"**Tơ ňu mâo kđi boh sô, yô hbei, klei đưm đă, ňu êmuh kơh *mnŭt* kŏ êa, *hra* kŏ buôn, pô dlăng adei amuôn buôn sang.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.272)

(13) "Nếu người ta biết con đàn bà đó là ai, thằng đàn ông đó là đứa nào, đứa nào là kẻ chăn dắt bò, trâu, nếu người ta biết được kẻ đã đem cơm nguội chôn vào rẫy thì người ta níu giữ hắn, nắm lấy

hắn, tóm tay hắn để biết chắc mặt mũi hắn, người ta dẫn hắn tới *cây đa* đầu suối, *cây sung* đầu làng, người trông coi anh em, con cháu dân làng.

Cây đa đầu suối sẽ đánh giá (vụ việc), bỏ qua (định giá), giải quyết vụ việc. " (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.112).

"**Tơ mniê thâo drei, êkei thâo pô, êmô kbao thâo mgăt, tơ arăng kral hê pô pla êsei ê'ăt hlăm hma anăn, tơ arăng mâo djă hê ňu ti sŏk, êňŏk ti păl, kral hê bỗ mta ňu nik tam, arăng ba nu kơ *mnŭt* kŏ êa, *hra* kŏ buôn, kơ pô dlăng adei amuôn buôn sang.**

***Mnŭt* kŏ êa phat brei ênoh, kjoh brei giê, mdjiê brei kđi.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.290)

(14) "Chính họ đã yêu cầu *cây đa* đầu suối xiềng voi họ lại, treo chiêng họ lên, lắp cái ná vào báng ná, cho họ được làm lễ đính hôn. (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.125).

"**Êman di ňu brei *mnŭt* kŏ êa bi tling, cing bi yuôl, bi kuôl kă brei kniêt kpung ung mỗ di ňu.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.300)

(15) "Về thằng đàn ông thì hắn hãy lấy cái khăn, về con đàn bà thì hắn hãy lấy cái váy, và hắn đem những thứ đó trình với *cây đa* đầu suối, *cây sung* đầu làng, người trông coi anh em con cháu dân làng (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.142).

"**Êkei ňu mă chiăm, mniê ňu mă m'iêng, dliêng ba kơ *mnŭt* kŏ êa, *hra* kŏ buôn, pô dlăng adei amuôn buôn sang.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.313)

(16) "Nếu *cây đa* đầu suối đã không sửa lại cái nong cúng đất, nếu ông ta (người đầu làng) đã không mài nhọn cái dùi." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.203).

"**Ňu *mnŭt* kŏ êa, lip mâo ňu kcei, hjei amâo ňu mkŏ.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.361)

Vậy, đâu là cơ sở trải nghiệm và động lực hình thành ADYN NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU BUÔN LÀNG LÀ CÂY SUNG CÂY ĐA trong tâm thức của người Êđê? Tại sao hình ảnh cây đa, cây sung lại được dùng để ý niệm hoá về "người trông coi dân làng" trong Luật tục?

Trong không gian buôn làng, cây sung và cây đa là những loài cây cao lớn, sống lâu năm, có tán rộng và giữ vị trí nổi bật trong tổng thể sinh thái. Trong cấu trúc xã hội của người Êđê truyền thống, trưởng buôn là người có uy tín cao, được cộng đồng tôn trọng, giữ vai trò điều hành, xét xử mọi việc theo luật tục, duy trì trật tự và bảo đảm sự đoàn kết của buôn làng. Trong văn hoá Êđê, cây sung và cây đa được cho là nơi trú ngụ của thần linh, gắn với khả năng bảo trợ và phán xét. Ba bình diện trên cấu thành cơ sở trải nghiệm của ADYN NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU BUÔN LÀNG LÀ CÂY SUNG CÂY ĐA, chúng là các trải nghiệm mang tính nghiệm thân về tự nhiên, xã hội và văn hoá.

Động lực hình thành ADYN này là sự tương đồng tri nhận về vị thế và chức năng của người trưởng buôn với đặc điểm của cây sung, cây đa. Cụ thể, nếu cây sung, cây đa giữ vị trí cao lớn và trung tâm trong không gian tự nhiên thì trưởng buôn giữ vị thế cao nhất trong cộng đồng; nếu cây sung, cây đa là nơi trú ngụ của thần linh (thế lực có khả năng phán xét và bảo vệ trật tự) thì trưởng buôn là người thực thi luật tục, phân xử đúng sai và bảo vệ sự ổn định của buôn làng. Như vậy, trên cơ sở những tương đồng tri nhận này, người Êđê đã dùng miền ý niệm cây sung, cây đa để ý niệm hoá về người đứng đầu, dẫn dắt, "chăm nom" dân làng.

ADYN NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU BUÔN LÀNG LÀ CÂY SUNG, CÂY ĐA mang tính biến thiên văn hoá. Cây sung và cây đa cũng có mặt trong nhiều ngôn ngữ, trong đó có tiếng Việt. Tuy nhiên, trong tiếng Việt, cây sung thường gắn với ý niệm về sự sung túc, đủ đầy; còn cây đa đảm nhận ý nghĩa tri nhận liên quan đến các bậc tiền bối đáng kính và sự trường tồn, bền vững. Trong khi đó, ở văn hoá Êđê, hai loài cây này lại được huy động làm miền nguồn để ý niệm hoá người đứng đầu buôn làng, sự ý niệm hoá này nhấn mạnh các phương diện như vị thế, quyền uy và chức năng bảo trợ cộng đồng của người thủ lĩnh này.

Nếu cây sung và cây đa được sử dụng để ý niệm hoá người trưởng buôn, thì cây le ("một giống tre nhỏ như cây trúc" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.228)) và cây lồ ô ("một loại nứa phổ biến ở

Tây Nguyên" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.228)) lại được người Êđê huy động để miêu tả "người tù trưởng nhà giàu". Xét về đặc điểm sinh học, cây le và cây lồ ô là những loài có tốc độ sinh trưởng nhanh, thể hiện sức sống mạnh mẽ và khả năng phát triển vượt trội trong môi trường tự nhiên. Trên cơ sở đó, người Êđê đã thiết lập sự tương đồng tri nhận giữa đặc điểm tăng trưởng mạnh mẽ của các loài cây này với sự giàu có và thế lực hùng mạnh của người tù trưởng. Sự tương đồng này trở thành động lực hình thành ADYN NGƯỜI TÙ TRƯỞNG LÀ CÂY LE, CÂY LỒ Ô trong tư duy của người Êđê.

(17) "*Cây le* đang xanh, hắn làm cho khô héo đi, *cây lồ ô* đang nguyên vẹn hắn làm cho gẫy nát. Hắn vô cớ buộc tội người tù trưởng nhà giàu." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.64).

"***Alê*** **mtah ñu bi krô;** ***m'ô*** **rŏng ñu bi joh; ñu duah bi soh sah mdrŏng.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.252)

(18) "*Cây le, cây lồ ô* đang trổ ngọn, hắn đem chặt phắt. Con cái nhà giàu tù trưởng phải sinh sôi nảy nở, ấy thế mà hắn tìm cách làm họ tuyệt nòi." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.98).

"***Alê m'ô*** **bi knăt, ñu duah khăt hĕ brŏng gŏ, anak sah mdrŏng gŏ amra bă hriê anak, ñu duah bi tuc hĕ djuê.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.279)

(19) "Hắn muốn sánh với *cây le,* muốn bì với *cây lồ ô* (về chiều cao, vì ganh ghét) nên vu oan, giá họa cho người ta." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.99).

"***Alê*** **ñu bi hmao, đrao ñu bi** ***m'ô*****, ñu duah tô tă tăn kơ arăng h'aĭ.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.280)

(20) "*Cây le* đang đâm chồi thế mà họ chặt mất ngọn, *cây lồ ô* đang đâm chồi thế mà họ chặt mất đọt." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.102).

"***Alê*** **bi knăt, di ñu khăt hĕ brŏng gŏ;** ***m'ô*** **bi knăt, di ñu khăt hĕ brŏng gŏ.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.283)

Như các dân tộc khác, trong tâm thức người Êđê, phẩm hạnh và vị thế của con người được tri nhận theo thang độ từ thấp đến cao. Cách tri nhận này tạo cơ sở cho việc lựa chọn các yếu tố trong thế giới tự nhiên nhằm biểu đạt sự phân tầng xã hội. Theo đó, những loài cây cao lớn như cây sung, cây đa, cây lồ ô được sử dụng để ý niệm hoá người có vị thế và quyền lực trong cộng đồng; ngược lại, những loài thực vật thấp nhỏ như cỏ được huy động để biểu đạt những cá nhân có vị thế thấp kém, đặc biệt là người phạm lỗi hoặc bị cộng đồng khinh rẻ. Trên cơ sở sự tương đồng tri nhận giữa đặc điểm thấp nhỏ, yếu ớt của cỏ với vị thế thấp kém của con người, ADYN KẺ THẤP HÈN LÀ CỎ được hình thành. ADYN này được biểu đạt qua các biểu thức ngôn ngữ như:

(21) "Hắn như *ngọn cỏ* mà muốn vươn cao hơn cây lau. Như *cọng tranh* mà muốn vươn cao hơn cây sậy, như con thú rừng muốn vượt cả lùm dây êjung" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.47).

"***Ciêt*** **gao ti trang,** ***hlang*** **gao ti mbô, hlô mnŏng gao ti pum êjung.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.238)

(22) "Là *ngọn cỏ* mà hắn muốn vượt cây lau, là *cọng tranh* mà hắn muốn vượt cây sậy, là con thú rừng mà hắn muốn vượt lùm dây êjung" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.70).

"***Ciêt*** **ñu gao ti trang,** ***hlang*** **gao ti mbô, hlô mnŏng gao ti pum êjung.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.257)

(23) "Là *cỏ* mà hắn muốn mọc cao hơn cây lau, là *ngọn tranh* mà hắn muốn vươn lên trên cây sậy, hắn như có thú rừng muốn vượt lên trên bụi êjung" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.194).

"***Ciêt*** **êgao ti trang,** ***hlang*** **êgao ti mbô, hlô mnŏng êgao ti pum êjung.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.353)

Cây cối không chỉ được dùng để ý niệm hoá con người với những vị thế xã hội khác nhau mà còn được vận dụng để biểu đạt về giới, về mối quan hệ gia đình trong cộng đồng người Êđê, v.v. Chẳng hạn, hoa - bộ phận đẹp nhất của cây - được dùng để miêu tả người phụ nữ với ADYN PHỤ NỮ LÀ HOA; mầm và chồi - những bộ phận non của cây - được dùng để biểu thị con cái với ADYN CON CÁI LÀ CHỒI, CỦ CỦA CÂY.

ADYN PHỤ NỮ LÀ HOA cũng mang tính phổ quát, nó không chỉ xuất hiện trong tiếng Êđê mà còn có mặt trong rất nhiều ngôn ngữ khác. Sự tương đồng tri nhận về vẻ đẹp của người phụ nữ và hoa đã khiến cho nhiều dân tộc dùng hoa để miêu tả về người phụ nữ. *Luật tục Êđê* đề cập đến những người phụ nữ bằng miền ý niệm "bông hoa vàng", "bông hoa đỏ" và "hoa tông mông". Những bông hoa không chỉ có màu sắc nổi bật mà còn có hương thơm quyến rũ.

(24) "Còn nếu anh (ông) không nán không chờ được, nếu anh (ông) thấy trong rừng có *bông hoa vàng*, trong bụi có *bông hoa đỏ*, anh (ông) thấy có một người đàn bà nào đó mà anh (ông) ưng lấy làm vợ thì anh (ông) có tội, tất cả tài sản sẽ thuộc về người vợ nòi" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.118).

"**Bi ih lĕ, huĭ ih a mâo ar ŭ ang cang guôn, buh *mnga knĭ* băng hdrah, *mnga hrah* băng kwăn, buh mniê mkăn ih lŏ tluh, kthŭl ih; đơ dŏ ngăn dŭm anăn bha nuê s'aĭ, kđi ih ba hĕ kơ nuê; ih wĭt mlŭn trŭn mtah, sa mbah kniêng êhăng amâo mâo.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.296)

(25) "Nhưng nếu hắn vẫn thích chùm *hoa tông mông*, hắn vẫn ưa cái diều có đuôi dài, hắn vẫn tha thiết với người ta.

Thì tất cả của cải từ các chén sứ, bát đồng, từ các đồ vặt vãnh, cái gùi Giarai, cái bồ, cái sọt, các túi vải tay nải, các gói lớn gói nhỏ cho đến các ché yăng và băng gri, các ngựa giống, trâu bò, cho đến lợn dưới gà trên. Các vòng đeo tay, các bát đĩa.

Cái chòi, cái rẫy cũng sẽ được đo cả chiều ngang chiều dọc." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.134)

"**Ñu suh kơ *mnga tông mông*, ñu dlông kơ myăp, ñu hung khăp hung ciăng kơ pô mkăn.**

Đơ ngăn chiên bĕ, ngăn krĕ điêt, ngăn điêt đuôt, sŏk Drai, bai bô, kdô kdŭng, anŭng điêt prŏng, ceh yăng, băng gri, djuê aseh, mjeh êmô kbao, ŭn ti gŭ, mnŭ ti dlông, kông mngan bha s'aĭ." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.307)

(26) "Hắn đã lại thèm được *bông hoa vàng* trong rừng thưa, được *bông hoa đỏ* trong rừng dương xỉ. Thấy một người đàn bà khác, hắn lại ưng người ta rồi" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.144).

"**Ñu lŏ tluh kơ *mnga knĭ* băng hdrah, *mnga hrah* băng kwăn, buh mniê mkăn ñu lŏ ciăng.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.315)

(27) "Hắn thấy *bông hoa vàng* trong rừng thưa, thấy *bông hoa đỏ* trong rừng dương xỉ, hắn thấy một người đàn bà khác là hắn đã thấy thèm thuồng.

Hắn đã thèm đóa *hoa tông mông*, hắn thèm con diều có cái đuôi dài, hắn ưng một người đàn bà khác. " (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.152).

"**Ñu buh *mnga knĭ* băng hdrah, *mnga hrah* băng kwăn, buh mniê mkăn ñu tluh.**

Ñu suh kơ *mnga tông mông*, ñu dlông kơ myăp, ñu lŏ kơ khăp mniê mkăn." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.320)

Phụ nữ được ý niệm hoá là hoa, bởi vậy, như một hệ quả tất yếu, việc phụ nữ sinh con được cho là sự việc hoa nở:

(28) "Thế là đã đến mùa *cây xoài, cây muỗm ra hoa, cây klông, cây kbang rụng lá*, người đàn bà có mang đã đến kỳ sinh. " (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.80).

"**Truh yăn *kiu bi mnga, m'ŏ bi mnga*, ana *klông kpang* truh yăn lu hla, mniê ba tian tloh năng mlan kkiêng.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.265)

CON CÁI LÀ CHỒI, CỦ CỦA CÂY là một ADYN khá thú vị trong logic tư duy của người của người *Êđê*. Từ sự tương đồng tri nhận về sự tương liên giữa thân cây với chồi và mần với mối tương liên giữa cha mẹ và con cái, người Êđê đã sử dụng các bộ phận chồi và mầm của các loài cây trồng quen thuộc trong đời sống của mình để ý niệm hoá về con cái của họ.

(29) "Đằng này, hắn đi lại vụng trộm với người ta cho đến khi *củ đã sinh chồi, khoai đã lú lên khỏi mặt đất*, cho đến khi đầu vú người ta đã thâm đen, lưng người ta đã lõm vào, bụng người ta đã nhô lên." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.147).

"**Anei lĕ ñu bi tlĕ hŏng gŏ tơl *hbei hlăm băng mtrŭn*, tơl *hbei kŭr rŭ,* tơl jŭ hĕ kuôp ksâo, tơl đă rŏng kŏng krah, tơl êdah tian prôc.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.317)

(30) "Hắn ăn ở với người ta cho đến khi *củ đã sinh chồi, khoai đã nhú lên*, cho đến khi đầu vú người ta đã thâm đen, cho đến khi người ta đã có một đứa con để bồng bế. " (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.147).

"**Ñu dôk tơl *hbei hlăm băng mtrŭn*, *hbei kŭr rŭ,* tơl jŭ kuôp ksâo, tơl mâo anak pŭ bă leh.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.317)

(31) "Họ ăn nằm với nhau cho đến khi cái lưng (người đàn bà) đã cong vào, cái bụng đã nhô ra, *củ sắn đã đâm chồi*, *củ khoai đã nhú lên*, cho đến khi núm vú đã thâm đen, người đàn bà đã có mang có chửa. " (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.148).

"**Ñu bi tle tơl đă rŏng, kŏng krah, tơh êdah tian prôc, tơl *hbei blang mtrŭn*, *hbei kŭr rŭ*, tơl jŭ kuôp kâo, tơl mâo anak aneh.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.318)

(32) "Chính mắt hắn đã thấy người tớ gái của hắn đã có *củ khoai đâm sâu vào đất*, có *củ lang thòi ra mặt đất*, đầu vú đã thâm đen, bụng đã to rồi. " (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.178).

"**Ñu buh mơh gŏ *hbei hlăm băng leh mtrŭn*, *hbei kŭr rŭ* mniê jŭ kuôp ksâo, mâo leh tian prŏng.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.341)

(33) "Vậy mà *cây tre đang đâm chồi*, *cây lồ ô đang nảy mầm*, hắn đang tay chặt phắt ngọn, hắn đang tay giết người con của người tù trưởng nhà giàu, làm cho giống nòi của họ tuyệt diệt." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.179).

"**Anei lĕ, *alê m'ô bi knăt*, ñu khăt brŏng gŏ, anak sah mđrŏng jing, ñu duah ngă bi tuc djuê ana gŏ.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.342)

Như vậy, từ sự nghiệm thân về thế giới thực vật và sự tương đồng tri nhận giữa đặc điểm của cây cối với đặc điểm, phẩm chất của con người, ADYN CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT cùng các ADYN vi mô của nó đã được hình thành trong tư duy của người Êđê. Hệ thống ẩn dụ ý niệm này không chỉ phản ánh cách người Êđê quan sát và trải nghiệm về thực vật mà còn góp phần làm rõ một phương diện trong quan niệm của họ về con người.

ADYN CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT trong *Luật tục Êđê* vừa mang tính phổ quát, vừa mang tính biến thiên văn hoá. Tính phổ quát được thể hiện ở sự tương đồng giữa người Êđê với nhiều cộng đồng ngôn ngữ khác trong việc sử dụng các loài cây, bộ phận của cây và đặc tính của chúng để ý niệm hoá con người. Tính biến thiên văn hoá thể hiện ở những nét riêng gắn với đặc trưng văn hoá của người Êđê, các đặc trưng vốn hình thành trong mối quan hệ mật thiết với phong tục, lối sống và môi trường tự nhiên núi rừng Tây Nguyên. Các loài cây, các bộ phận và đặc điểm của cây cối được lựa chọn để làm MN và sự ánh xạ của chúng qua các miền đích tương ứng là biểu hiện cụ thể của tính biến thiên văn hoá của ADYN CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT.

4.2.2. Ẩn dụ ý niệm CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT

CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT là một ADYN xuất hiện trong ngôn ngữ của nhiều cộng đồng dân tộc. Bởi vậy, nó mang tính phổ quát. Tuy nhiên, song song với sự phổ quát, ADYN này cũng mang tính biến thiên văn hoá. ADYN CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT trong *Luật tục Êđê* là một trong những minh chứng cho điều này.

Kết quả khảo sát cho thấy MN ĐỘNG VẬT được sử dụng trong các ADYN có miền đích con người trong *Luật tục Êđê* là 23 trường hợp. Miền ý niệm này có biểu hiện rất phong phú, với các loài vật từ dưới nước đến trên cạn; từ cá, lươn cho đến các loài thú rừng và chim chóc. Tuy nhiên, các con vật được dùng để ý niệm hoá con người trong *Luật tục Êđê* là chim bhĩ, chim mling, chim mlang, cá

lóc, ếch, chồn, cọp, voi, tê giác, ngựa, gà. Những con vật như bò, trâu, lợn, rắn, chó, lươn, v.v. không được dùng để làm miền ý niệm nguồn trong các ADYN.

MN ĐỘNG VẬT có rất nhiều thuộc tính nhưng chỉ có thuộc tính tên gọi và đặc điểm được ánh xạ qua MĐ CON NGƯỜI. Cụ thể, tên các loài vật được dùng để ý niệm hoá về những con người với địa vị và phẩm chất khác nhau, còn đặc điểm của chúng được dùng để ý niệm hoá đặc điểm của con người.

Mô hình ánh xạ từ MN ĐỘNG VẬT qua MĐ CON NGƯỜI trong *Luật tục Êđê* như sau:

Bảng 4.2.2. *Sự ánh xạ trong ẩn dụ ý niệm CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT*

Miền nguồn (Động vật)		**Miền đích** (Con người)
Tên các loài động vật	>>>>>	Các con người khác nhau
Đặc điểm của động vật	>>>>>	Đặc điểm của con người

Trong các ADYN vi mô của ADYN CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT được người Êđê sử dụng, ADYN đầu tiên cần phải kể đến là CON NGƯỜI LÀ CHIM CHÓC. ADYN với MN CHIM CHÓC này cũng tồn tại trong nhiều ngôn ngữ khác, trong đó có tiếng Việt (người Việt cũng có nhiều biểu thức ngôn ngữ biểu hiện ADYN này, ví dụ *con nhà tông không giống lông cũng giống cánh*, *chim có tổ người có tông*, *con Lạc cháu Hồng*, v.v.), tuy nhiên, trong tiếng Êđê, nó mang tính biến thiên văn hoá. Những loài chim được chọn làm MN của ADYN này là chim bhĩ (chim phí) - "một giống chim rừng, mầu lông thay đổi theo sáng, chiều; con trống và con mái có mầu lông khác nhau" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.227) và chim mling, mlang có giọng hót hay mang ý nghĩa tiên báo. Với các đặc điểm này, ADYN CON NGƯỜI LÀ CHIM CHÓC trong *Luật tục Êđê*, đến lượt mình, lại có hai ADYN vi mô: KẺ LẬT LỌNG LÀ LOÀI CHIM HAY THAY ĐỔI MÀU SẮC và NGƯỜI VUI VẺ LÀ LOÀI CHIM HAY HÓT.

Những kẻ lật lọng, tráo trở, trước sau bất nhất được biểu thị bằng loài chim bhĩ (chim phí). Sự biến đổi màu sắc của loài chim này được dùng để ý niệm hoá về sự thay đổi khó lường của những kẻ "nói lời chẳng giữ lấy lời", những kẻ hay thay lòng đổi dạ. Điều này được biểu hiện bằng ADYN KẺ LẬT LỌNG LÀ LOÀI CHIM HAY THAY ĐỔI MÀU SẮC.

(34) "Kẻ ban đêm nói một đằng, ban ngày nói một nẻo, cứ quay lưng là đã nói khác đi rồi… Sáng sớm hắn là *con chim bhĩ trống*, giữa trưa hắn biến thành *con bhĩ mái*. Đến khi vào thung, vào rừng hắn lại biến thành một cái gì khác nữa" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.46 - tr.47).

"**Mlan sa klei, hruê sa asăp, wir rŏng anăp mdê… Aguah *cĭm bhĭ êkei*, hruê *cĭm bhĭ mniê*; kma hlăm dhông dliê, nŭ lŏ duah klei mkăn.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.238)

(35) "Kẻo sau này, sớm thì làm con *chim phí* trống, ban ngày lại trở thành con *chim phí* mái, khi xuống thung vào rừng lại sinh ra chuyện khác. " (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.125).

"**Huĭ kơ êdei, aguah ngă *cĭm bhĭ êkei*, hruê ngă *cĭm bhĭ mniê*, kma hlăm dhông dliê huĭ lŏ duah klei mkăn.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.300)

(36) "Họ là những người mẹ sinh ra, là người cha cõng địu, nhưng họ lại sinh chuyện, sáng sớm là con *chim phí* đực, giữa trưa là con *chim phí* mái, vừa vào trong rừng là họ đã gây chuyện cho người ta rồi. (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.129).

"Ŭn amĭ pô pla, ama pô bă, ŭn lŏ ngă hĕ aguah *cĭm bhĭ êkei*, hruê *cĭm bhĭ mniê*, kma hlăm dliê, ŭn lŏ duah hĕ gŏ klei mkăn." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.303)

Cũng là hình ảnh loài chim nhưng *mling*, *mlang* lại mang một ý niệm khác. Những con chim này được dùng để ý niệm hoá về những con người hiền lành, vui vẻ, hay nói cười qua ADYN NGƯỜI VUI VẺ LÀ LOÀI CHIM HAY HÓT.

(37) "(Nhưng) người ta chỉ là *con chim mling* hót mùa khô, *con chim mlang* kêu buổi chiều, là những chàng trai cô gái hát đối đáp với nhau." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.92).

"**Arăng *mlĭng* mĕ bhang, *mhang* mĕ tlam, klei êdam êra bi mmŭn.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.274)

Sau các ADYN với MN chim chóc, các ADYN vi mô của ADYN CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT tiếp theo cần kể đến trong *Luật tục Êđê* là các ADYN với MN là các con vật sống dưới nước và sống trong không gian mặt đất của núi rừng.

Để ý niệm hoá về người không tốt, làm hại đến người khác trong cộng cộng đồng, người Êđê sử dụng MN là các con vật như con con cá lóc, con ếch, con chồn, con cọp với các ADYN: KẺ LẮM CHUYỆN LÀ LOÀI VẬT HAY ĐỔI NƠI CƯ TRÚ, KẺ ĐỘC ÁC LÀ LOÀI VẬT SĂN MỒI.

Sự tương đồng tri nhận về đặc tính hay thay đổi nơi cư trú với sự hay thay đổi, trước sau bất nhất trong lời nói con người đã khiến người Êđê ý niệm hoá những kẻ nhiều chuyện, hay đặt điều bằng miền ý niệm các loài vật như con cá lóc (**ajĭk**), con ếch (**abư**) nay ở hang này, mai ở hốc kia qua ADYN KẺ LẮM CHUYỆN LÀ LOÀI VẬT HAY ĐỔI NƠI CƯ TRÚ. ADYN này là một trong những biểu hiện cho nét riêng trong tri nhận của người Êđê về động vật.

(38) "Chúng là những con đàn bà lắm chuyện, là những thằng đàn ông nợ đĩa, là những con *cá lóc,* con *ếch* nhiều hang để chui vào chui ra." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.76).

"**Ñu mniê lu klei, êkei lu nư, *abư ajĭk* lu băng ñu duah mŭt kma.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.262)

Sự tương đồng tri nhận về sự độc ác của các con vật có tập tính săn mồi với sự độc ác của những kẻ xấu xa trong cộng đồng đã khiến người Êđê ý niệm hoá kẻ độc ác bằng các con vật như cáo (chồn)(**mja**), cọp (**êmông**). Cách tri nhận này cũng giống nhiều dân tộc khác trên thế giới. Trong *Luật tục Êđê*, ADYN KẺ ĐỘC ÁC LÀ LOÀI VẬT SĂN MỒI được cụ thể hoá bằng các biểu thức ngôn ngữ như:

(39) "Ông ta là người mẹ nhưng là mẹ *chồn*, là cha nhưng là cha *cọp*, nuôi con đó mà cũng cắn con đó." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.88).

"**Amĭ si amĭ *mja*, ama si ama *êmông*, ñu rông jing jrai, ñu kcăt jing jai.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.271)

(40) "Hắn sợ ông ta sẽ bỏ gà bênh *cáo*, có những phán quyết có lợi cho kẻ khác" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.63).

"**Huĭ khua amâo dôk tĭng kơ mnŭ, tŭ tĭng *mja*, asăp kdha huĭ hluê arăng.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.251)

(41) "Chúng là những kẻ không đứng về phía gà mà đứng về phía *chồn*, chúng theo lời kẻ khác" (tr.76).

"**Ñu amâo dôk tĭng kơ mnŭ, ñu tŭ tĭng kơ *mja*, asăp kdha ñu hluê arăng.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.261)

Trái ngược với việc sử dụng các loài vật săn mồi để ý niệm hoá những kẻ độc ác, người Êđê lại dựa vào đặc điểm của những loài vật hiền lành, dễ bị bắt giữ để biểu đạt những cá nhân ở vị thế yếu thế. Một trong những ADYN tiêu biểu cho trường hợp này là KẺ YẾU THẾ LÀ CON GÀ. Sự tương đồng tri nhận giữa đặc điểm dễ bị bắt của con gà (**mnŭ**) với tình trạng dễ bị khống chế của kẻ yếu thế đã thúc đẩy người Êđê tạo lập nên ADYN này. Các ví dụ (40), (41) là những biểu thức biểu hiện rất rõ ADYN KẺ YẾU THẾ LÀ CON GÀ.

Nếu như trong các áng văn thơ tiếng Việt, chúng ta thường thấy những đôi lứa được ý niệm hoá bằng những loài chim (chim bồ câu, uyên ương,…) thì trong *Luật tục Êđê*, những đôi lứa hẹn hò với nhau được ví von với hình ảnh các con vật thường ở cùng nhau, ăn cùng nhau trên một bãi cỏ như *ngựa* (**aseh**) và *voi* (**êman**). Như vậy, họ tri nhận rằng LỨA ĐÔI LÀ NHỮNG CON VẬT CÙNG ĂN CHUNG MỘT BÃI CỎ.

(42) "Đằng này họ lại ăn vụng, nằm trộm với nhau mà không xem chừng, không giữ sao cho vừa phải, đến mùa trăng lên họ đã không tháo cởi vòng ta, vòng đúc không tháo, vòng dây không cởi; *con ngựa, con voi* không tách nhau ra mỗi con đi ăn một ngả." (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.148).

"**Anei lĕ ñu tlĕ amâo bi hmăng, ñu ciăng amâo bi man, blĕ mlan, kông tuh amâo ñu bi mtloh hĕ, kông koh amâo ñu bi keh, *aseh êman* amâo ñu đuĕ nao mdê car mdê bi dŏng.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.318)

(43) "Các vòng đồng đúc hai người đã đổi cho nhau hãy tháo ra. Các vòng đồng dây hai người đã đổi cho nhau hãy cởi ra, rồi *ngựa, voi* mỗi con sẽ đi ăn một nơi."(Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.152).

"**Kông tuh ñu bi mtloh, kông koh kleh, *aseh êman* mdê car bi dŏng.**" (Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn, 1996, tr.321)

ADYN CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT cũng là một ADYN mang tính phổ quát, tuy nhiên, trong *Luật tục Êđê*, ADYN này mang tính biến thiên văn hoá với nhiều đặc điểm riêng. MN ĐỘNG VẬT có rất nhiều thuộc tính, chẳng hạn như giống loài, kích thước, màu sắc, cấu tạo, tập tính bầy đàn, tập tính săn mồi, tập tính cư trú, v.v. nhưng người Êđê chỉ chọn một số thuộc tính để biểu hiện con người, đó là thuộc tính về màu sắc, tập tính hoạt động, tập tính cư trú, tập tính săn mồi và tập tính bầy đàn. Điều này cho thấy nét riêng trong cách tri nhận của người Êđê về con người từ những kinh nghiệm mang tính nghiệm thân về động vật.

5. Kết luận

Dựa trên sự cảm nhận tương đồng về các thuộc tính của miền ý niệm thực vật và động vật với các thuộc tính của miền ý niệm con người, người Êđê truyền thống đã khắc họa con người qua hai ADYN vĩ mô là CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT, CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT và các ADYN vi mô của chúng. Các hệ thống ADYN này vừa mang tính phổ quát vừa mang tính biến thiên văn hoá. Chúng không những cho thấy cách người Êđê quan niệm, cắt nghĩa về con người bằng những trải nghiệm mang tính nghiệm thân về động thực vật mà còn thể hiện văn hoá tri nhận cũng như sự gắn kết của họ với môi trường sống núi rừng, nương rẫy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. David Lee (2016), *Dẫn luận Ngôn ngữ học tri nhận* (Nguyễn Văn Hiệp và Nguyễn Hoàng An dịch). Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. Nguyễn Đức Tồn (2008), *Đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Triệu Diễm Phương (2011), *Dẫn luận Ngôn ngữ học tri nhận* (Đào Thị Hà Ninh dịch). Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

Tiếng nước ngoài

4. Dang, N. G. (2023), Comparative Images in Vietnamese Perception Through Idioms With Comparisons. *Theory and Practice in Language Studies*, 13(9), 2179-2185.
5. El Refaie, E., & Thatcher, C. (2025), Becoming Buttercups: Fostering Eco-Empathy Through Metaphorical Creative Writing. *Metaphor and Symbol*, 40(2), 99-113.
6. Evans, V. (2007), *A Glossary of Cognitive Linguistics*. Edinburgh University Press, Great Britain.
7. Filipczuk-Rosińska, S. (2016), The Comparison of A HUMAN BEING IS A PLANT Metaphor between the English and Polish Language. *World Journal of Social Science*, 3(1), 15-21.
8. Gajewska, G. (2022), Polymorphic perversion of human and other-than-human bodies. *Porównania, 1(31).*
9. Hart, K. R., & Long Jr, J. H. (2011), Animal Metaphors and Metaphorizing Animals: An Integrated Literary, Cognitive, and Evolutionary Analysis of Making and Partaking of Stories. *Evolution: Education and Outreach*, 4, 52-63.
10. Kövecses, Z. (2010), *Metaphor - A practical Introduction* (Second edition). Oxford University Press, New York.
11. Lakoff, G., & Johnson, M. (1980), *Metaphors we live by*. The University of Chicago Press, London.

12. Lestel, D., & Taylor, H. (2013), Shared life: An introduction. *Social Science Information,* 52(2), 183-186.
13. Maalej, Z. A., & Zibin, A. (2024), Metaphors They Kill by: Dehumanization of Palestinians by Israeli Officials and Sympathizers. *International Journal of Arabic-English Studies (IJAES)*, 25(1).
14. Nguyen, T. H. (2026), Cognitive Modeling of Vietnamese Metaphor Comprehension: A Comparison between Large Language Models and Human Learners. *International Journal of Social Science Exceptional Research*, 5(4), 51-61.
15. Pham, G. T., & Nguyen, C. T. T. (2024), Perception of Women Through Conceptual Metaphor "WOMEN ARE PLANTS": A Case Study of 20th-Century Vietnamese Literature. *Theory and Practice in Language Studies*, 14(5), 1499-1509.
16. Pham, T. G. (2023), Conceptual Metaphor "WOMEN ARE ANIMALS" In 20th-century Vietnamese Literature. *ICTE Conference Proceedings*, 3, 26-40.
17. Pho, T. H. O., & Hoang, T. T. N. (2025), The Expressive Value of Animal-Related Lexical Items in Vietnamese (Based on Materials from Vietnamese Language Textbooks for Grades 2, 3, and 4-The Connecting Knowledge with Life Series). *International Journal of Education and Social Science Research*, 8(6), 393-402.
18. Sajarwa, Habibah, N., & Arrasyid, N. D. (2025), Dehumanization in Javanese metaphorical insults. *Kasetsart Journal of Social Sciences*, 46(4), 460436.
19. Timralieva, J. G., & Breitling, M. S. (2022), The Metaphors "Human-Animal", "Animal-Human" in T. Morrison's Novel "Beloved". *DISCOURSE*, 8(5), 118-128.
20. Tran, T. T. P., & Nguyen, T. T. (2026), Conceptual Metaphors and Cultural Influences in Animal-Related Idioms in English and Vietnamese. *Journal of Inquiry into Languages and Cultures*, 10(1), 103-115.
21. Tran, T. T. O. (2019), Characteristics of Conceptual Metaphor: A Case of Metaphorical Expressions Based on Human Senses in Vietnamese. *International Journal of Language and Linguistics*, 7(5), 240-244.
22. Truong, T. M. L. (2020), Sociolinguistic Features of Russian and Vietnamese Using Anthropocentric Metaphor. *The European Proceedings of Social and Behavioural Sciences*, 1101-1106.
23. Usman, J., & Yusuf, Y. Q. (2020), The dehumanizing metaphors in the culture of Acehnese in Indonesia. *Indonesian Journal of Applied Linguistics*, 10(2), 397-405.
24. Zhou, M. (2024), The Study of Animal Metaphors in English and Chinese Idioms from the Perspective of Conceptual Metaphor. *Studies in Linguistics and Literature*, 8(4), 196-218.

NGỮ LIỆU KHẢO SÁT

Đức Thịnh, Ngô Thái Sơn (1996), *Luật tục Êđê (Tập quán pháp)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Conceptual metaphor of human beings with animal and plant source domains in Ede customary law

Abstract: This paper applies the theory of conceptual metaphor from cognitive linguistics to investigate and analyze the system of conceptual metaphors of human beings in Ede customary law, focusing on two source domains: plants and animals. The findings indicate that the PLANT source domain is represented by 74 linguistic expressions, while the ANIMAL source domain is manifested through 23 linguistic expressions. By generalizing these expressions, the study identifies five micro-level manifestations of the conceptual metaphor HUMAN BEINGS ARE PLANTS and seven micro-level manifestations of the conceptual metaphor HUMAN BEINGS ARE ANIMALS. These systems of conceptual metaphors exhibit both universal and culturally variable characteristics. They not only demonstrate the similarities between the Ede people and other ethnic groups in conceptualizing human beings through the plant and animal source domains, but also highlight the distinctiveness of Ede cognition, which is shaped by embodied experiences of the natural environment of the majestic Central Highlands forests and by the specific cultural characteristics of the indigenous community.

Key words: Conceptual metaphor; Ede customary law; human beings; animals; plants.